**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 1**

**TÊN BÀI HỌC: BÀI 118: OAM OĂM; TIẾT: 265 + 266**

**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NGÀY 17 THÁNG 02 NĂM 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần **oam, oăm**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oam, oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oam,** vần **oăm**.

- Đọc đúng và hiểu bài tập đọc **Mưu chú thỏ**.

- Viết đúng các vần **oam, oăm,** các tiếng **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

-Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

**2. Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5 phút**  **20 phút**  **10ph**  **30 phút**  **5 phút** | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định lớp  **-** Cả lớp hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức:**  DẠY BÀI MỚI  **Giới thiệu bài**: vần **oam**, vần **oăm**.  **Hoạt động 1: *Dạy vần oam***  - GV giới thiệu vần **oam**/HS (cá nhân, cả lớp): **o - a - mờ - oam**. (Đây là vấn đầu tiên có mô hình “âm đệm + âm chính + âm cuối” mà HS được học, GV dạy kĩ để HS học những vần tiếp theo nhanh hơn.  - HS nhìn hình, nói: ngoạm/ Tiếng **ngoạm** có vần **oam**/ Phân tích vần **oam**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **m** đứng cuối/ Đánh vần, đọc trơn: o - a - mờ - oam / ngờ - oam - ngoam - nặng - ngoạm / ngoạm.  **Hoạt động 2: *Dạy vần oăm*** (như vần **oam**): Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - mờ - oăm / khờ - oăm - khoăm - huyền - khoằm / mỏ khoằm.*  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học.  **3. Hoạt động vận dụng, thực hành:**  **Hoạt động 1: *Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?).  - GV chỉ từng từ cho 1 HS đánh vần, 1 tô đánh vần: *nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm.*  - HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần **oam**, vần **oăm**. /HS nói kết quả  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **nhoàm** có vần **oam**. Tiếng **hoắm** có vần **oăm**...  **Hoạt động 2:*Tập viết*** (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm**.  b) Viết vần: **oam, oăm**  - 1 HS đọc vần oam, nói cách viết. / GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa **o, a, m**. / Làm tương tự với vần **oăm**.  - HS viết: **oam, oăm** (2 lần).  c) Viết tiếng: n**goạm**, (mỏ) **khoằm**  - GV vừa viết tiếng **ngoạm** vừa hướng dẫn. Chú ý chữ **g** cao 2,5 li, dấu nặng đặt dưới **a**. / Làm tương tự với **khoằm**, dấu huyền đặt trên **ă**.  - HS viết: **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** (2 lần).  **TIẾT 2**  **Hoạt động 3: *Tập đọc*** (BT 3)  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).  c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu).  - GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - 1 HS đọc trước lớp nội dung BT.  - HS viết ý mình chọn lên thẻ. / HS giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng.  - Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời):  +1 HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng?  + Cả lớp: (Ý b) Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác.  - GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.  - Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | -HS hát  -HS lắng nghe  -HS theo dõi  -HS trả lời  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS thực hiện  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS thực hiện  -HS theo dõi, lắng nghe  -HS quan sát  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS trả lời  -HS thực hiện  -HS thi đọc  -HS thực hiện  -HS thực hiện  -HS theo dõi, lắng nghe  -HS thực hiện  Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**